

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HS-ST
Ngày: 02-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02-8-2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2017/HSST, ngày 16 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Cấn Anh T; Sinh năm: 1985, tại Pleiku, Gia Lai;

NDKHKTT: Tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Phòng 1603 Chung cư Vicentra, khối phố 1, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm nông; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Cấn Song H (Đã chết) và bà Phạm Thị T1; Bị cáo có vợ tên là Trương Thị C (Đã ly hôn năm 2015) và 02 con, (Lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 02/8/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 10/11/2016 chấp hành xong hình phạt; Bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2016 đến ngày 20/01/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang “Bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Anh T2; Sinh ngày 03/9/1978, tại Diên Châu, Nghệ An;

NDKHKTT: Phòng 1603 Chung Cư Vicentra, khối phố 1, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 5, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Sửa xe; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Con bà Phạm Thị T1, cha không xác định được; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Kim T3; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Công ty cổ phần Thủy điện S.

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn B - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2017): Ông Đinh Thành D; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Văn H4; Sinh năm: 1971;

Địa chỉ cư trú: Tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 24-7-2013, Cấn Anh T, Nguyễn Anh T2 cùng với các đối tượng tên L, H (Chưa rõ lai lịch) uống rượu tại nhà của T thuộc phường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong lúc uống rượu T nói với T làm việc (Công ty Cổ phần Thủy điện S, thuộc xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai) có nhiều sắt để trong kho, nghe vậy H rủ đi trộm cắp. Tất cả đồng ý, sau đó T điện thoại cho N (Chưa rõ lai lịch, ở phường Y, thành phố P) để thuê xe ô tô tải loại 500kg của N để đi chở đồ, sau đó tất cả cùng đi đến khu vực cách nhà kho của Công ty Cổ phần Thủy điện S khoảng 100 mét thì cả nhóm dừng xe ở bên đường. Lúc này khoảng 21 giờ cùng ngày, T2 và N đứng ngoài còn T, H và L đi vào phía trong nhà kho theo hướng hàng rào phía sau kho. T chỉ đường cho H và L vào cạy cửa nhà kho còn T đi quay lại ra ngoài đứng cạnh hàng rào, phía gần đường. Khoảng 20 phút sau T đi vào lại thì thấy H và L vác các thanh kim loại ra ngoài nên T phụ bung 4 đến 5 thanh đi ra ngoài rồi cùng với T2 đưa lên xe ô tô, sau đó cả nhóm đi về nhà của T, bốc các thanh kim loại xuống xe, N đi về. Đến sáng ngày 25-7-2013 T, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen – trắng (Không rõ biển kiểm soát) của T mang các thanh kim loại đi bán tại khu vực dốc R, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Lúc này T biết được các thanh kim loại lấy được là đồng và bán với giá 300.000 đồng/kg. T không biết bán được bao nhiêu tiền vì H là người trực tiếp bán và cầm tiền, sau đó H chia cho T 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), trả tiền thuê xe cho N 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), sau đó T đưa cho T2 số tiền 280.000 đồng (Hai trăm tám mươi ngàn đồng).

Sáng ngày 25-7-2013, ông Đinh Thành D là bảo vệ của Công ty Cổ phần Thủy điện S sau khi đi kiểm tra đã phát hiện cửa kho có dấu vết bị cạy phá thì đã báo Công ty và Công ty kiểm kê kho mới phát hiện mất những tài sản gồm: 31 thanh dẫn Startor của máy phát bằng đồng, kích thước 19,4x46,78x2200mm; 03 bạc đồng đầu dầu của máy phát, kích thước 65x190x250; 02 động cơ điện quạt làm mát máy biến

áp 1,5KW; 10m Gioăng làm kín vỏ bọc màng che; 01 quạt hút; đầu vận lực giác 24, 27, 30, 34, 36.

Tại Kết luận số 55 ngày 19/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G, xác định:

+ 31 thanh dẫn Startor bằng đồng (19,4x46,78x2200mm) có giá 135USD/thanh, thành tiền 31 thanh x 135 USD/thanh = 4.185USD x 21.036 VNĐ = 88.035.660 đồng.

+ 02 động cơ quạt làm mát máy biến áp (quạt đẩy 1,5KW) có giá 726USD/cái, thành tiền 02 cái x 726USD/ cái = 1.452USD x 21.036 VNĐ = 30.544.272 đồng.

+ 03 bạc đồng đầu dầu (65x190x250) có giá 2.336USD/cái, thành tiền 03 cái x 2.336USD/ cái = 7.008USD x 21.036 VNĐ = 147.420.288 đồng.

+ 10m gioăng làm kín vỏ bọc màng che có giá 29USD/m, thành tiền 10m x 29USD/m = 290USD x 21.036 VNĐ = 6.100.440 đồng.

+ 01 quạt hút có giá 700USD x 21.036 VNĐ = 14.725.200 đồng.

+ Đầu vận lực giác 24 có giá 2,4USD x 21.036 VNĐ = 50.486 đồng.

+ Đầu vận lực giác 27 có giá 3USD x 21.036 VNĐ = 63.108 đồng.

+ Đầu vận lực giác 30 có giá 3,5USD x 21.036 VNĐ = 73.626 đồng.

+ Đầu vận lực giác 34 có giá 3,8USD x 21.036 VNĐ = 79.937 đồng.

+ Đầu vận lực giác 36 có giá 4USD x 21.036 VNĐ = 84.144 đồng.

Tổng cộng 13.651,7 USD. Quy đổi ra Việt Nam đồng là 287.177.161đ (Hai trăm tám mươi bảy triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi một đồng).

Tuy nhiên, theo lời khai khi tự thú của bị cáo Cấn Anh T, lời khai khi đầu thú của bị cáo Nguyễn Anh T2 và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì vào tối ngày 24-7-2013, H và L là người trực tiếp vào kho để trộm cắp tài sản và mang tài sản ra xe, bị cáo T là người chỉ đường và cùng với bị cáo T2 đưa tài sản trộm cắp được lên xe là khoảng 05 thanh kim loại có đặc điểm như đơn trình báo mất của người bị hại (05 thanh dẫn Startor bằng đồng (19,4x46,78x2200mm)). Ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo thì không có lời khai và chứng cứ nào khác để chứng minh các bị cáo tham gia trộm cắp toàn bộ tài sản như Công ty Cổ phần Thủy điện S đã báo mất. Tại phiên tòa, người đại diện của Công ty Cổ phần Thủy điện S cũng trình bày, phía Công ty tạm thời chấp nhận lời khai nhận tội của các bị cáo vì chưa đủ chứng cứ chứng minh các bị cáo tham gia trộm cắp toàn bộ số tài sản mà Công ty bị mất. Do vậy, chỉ có căn cứ để xác định các bị cáo Cấn Anh T và Nguyễn Anh T2 tham gia trộm cắp 05 thanh dẫn Startor có tổng giá trị là 14.199.300 đồng (Mười bốn triệu một trăm chín mươi chín ngàn ba trăm đồng) tại kho của Công ty Cổ phần Thủy điện S.

Đối với các đối tượng H, L và N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được nên đã tách hành vi của

H, L, N để tiếp tục điều tra, xác minh nếu xác định được sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 16/CTr-VKS ngày 07/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo Cấn Anh T, Nguyễn Anh T2 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cấn Anh T từ 08 - 10 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 06 - 08 tháng tù cho hưởng án treo;

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện của Công ty Cổ phần Thủy điện S và các bị cáo đã thống nhất, các bị cáo Cấn Anh T và Nguyễn Anh T2 phải liên đới bồi thường cho Công ty toàn bộ giá trị tài sản mà các bị cáo thừa nhận đã tham gia trộm cắp là 05 thanh dẫn Startor có tổng giá trị là 14.199.300 đồng (Mười bốn triệu một trăm chín mươi chín ngàn ba trăm đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius không rõ biển kiểm soát, bị cáo T dùng chở tài sản trộm cắp đi bán, T đã bán cho người khác không xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không đề nghị xử lý. Đối với số tiền bị cáo T được chia sau khi bán tài sản trộm cắp là 1.720.000 đồng và bị cáo T2 được chia là 280.000 đồng, đây là tài sản do các bị cáo thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử truy thu để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội được trực tiếp lao động, có thu nhập để bồi thường kịp thời cho người bị hại và tiếp tục chữa bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Bị cáo Cấn Anh T bị bắt trong vụ án khác đã tự thú về việc tham gia trộm cắp tại kho của Công ty Cổ phần Thủy điện S, lời khai khi tự thú của bị cáo Cấn Anh T, lời khai khi đầu thú của bị cáo Nguyễn Anh T và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều thừa nhận vào tối ngày 24-7-2013, bị cáo T là người chỉ đường vào kho, các đối tượng H và L là người trực tiếp vào kho để trộm cắp tài sản và mang tài sản ra xe, bị cáo T cùng với bị cáo T2 đưa tài sản trộm cắp được lên xe là khoảng 05 thanh dẫn Startor bằng đồng, các bị cáo tham gia thực hiện việc trộm cắp như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu. Ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo thì không có

lời khai và chứng cứ nào khác để chứng minh các bị cáo tham gia trộm cắp toàn bộ tài sản như Công ty Cổ phần Thủy điện S đã báo mất. Tại phiên tòa, người đại diện của Công ty Cổ phần Thủy điện S cũng trình bày, phía Công ty tạm thời chấp nhận lời khai nhận tội của các bị cáo vì chưa đủ chứng cứ chứng minh các bị cáo tham gia trộm cắp toàn bộ số tài sản mà Công ty bị mất. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ có căn cứ để xác định các bị cáo Cần Anh T và Nguyễn Anh T2 là người đã tham gia trộm cắp 05 thanh dẫn Startor có tổng giá trị là 14.199.300 đồng (Mười bốn triệu một trăm chín mươi chín ngàn ba trăm đồng) tại kho của Công ty Cổ phần Thủy điện S.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Cần Anh T và Nguyễn Anh T2 đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội.

[5] Đây là vụ án có nhiều người tham gia nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn. Các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau nên cần xem xét để quyết định hình phạt là cần thiết.

[6] Đối với bị cáo Cần Anh T là người chủ mưu rủ bị cáo Nguyễn Anh T2 và các đối tượng L, H, N đi trộm cắp, bị cáo là người thuê xe ô tô đi và chở tài sản trộm cắp, bị cáo cũng là người dẫn đường, trực tiếp đưa tài sản lên xe và mang tài sản đi tiêu thụ. Bản thân bị cáo là người có nhân thân không tốt, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp nói trên thì tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của người khác và bị kết án. Điều đó cho thấy bị cáo là người có ý thức chấp hành pháp luật không tốt. Do vậy, cần phải xử phạt tù tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để bị cáo có điều kiện được tiếp tục giáo dục, cải tạo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Đối với bị cáo Nguyễn Anh T2, khi được bị cáo T rủ đi trộm cắp là đồng ý ngay, tuy không trực tiếp thực hiện việc vào kho lấy tài sản nhưng bị cáo cũng là người trực tiếp đưa tài sản lên xe và được ăn chia tiền bán tài sản. Do vậy cũng cần xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các bị cáo Cần Anh T và Nguyễn Anh T2 sau khi phạm tội cũng đều đã thành khẩn khai báo thể hiện sự

ăn năn hối cải, bị cáo T đã tự thú về hành vi trộm cắp của mình trong quá trình điều tra giải quyết vụ án khác. Bị cáo T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội cũng đã ra đầu thú. Bị cáo T có cha, mẹ, bị cáo T2 có mẹ đều là người có công với cách mạng, bị cáo Cấn Anh T bị bệnh tăng huyết áp, bị cáo Nguyễn Anh T2 bị bệnh rối loạn tuần hoàn não đang phải điều trị. Tại phiên tòa, người đại diện của người bị hại cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Cấn Anh T được quy định tại điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Anh T2 được quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[9] Đối với các đối tượng bị cáo Cấn Anh T khai tên là H, L và N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được và cũng đã tách hành vi của các đối tượng này để tiếp tục điều tra là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện của Công ty Cổ phần Thủy điện S và các bị cáo đã thống nhất, các bị cáo Cấn Anh T và Nguyễn Anh T2 phải liên đới bồi thường cho Công ty toàn bộ giá trị tài sản mà các bị cáo thừa nhận đã tham gia trộm cắp là 05 thanh dẫn Startor có tổng giá trị là 14.199.300 đồng (Mười bốn triệu một trăm chín mươi chín ngàn ba trăm đồng). Thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận. Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 7.099.650 đồng (Bảy triệu không trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Sau này nếu các bị cáo Cấn Anh T, Nguyễn Anh T2 có yêu cầu các đối tượng H, L và N phải thanh toán lại phần của H, L và N phải bồi thường thì sẽ được xem xét bằng vụ kiện dân sự khác;

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius không rõ biển kiểm soát bị cáo T dùng chở tài sản trộm cắp đi bán, Tài đã bán cho người khác không xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền bị cáo T được chia sau khi bán tài sản trộm cắp là 1.720.000 đồng và bị cáo T2 được chia là 280.000 đồng, tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát cho rằng đây là tài sản do các bị cáo thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử truy thu để sung vào công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo được chia tiền bán tài sản nhưng các bị cáo là người phải đứng ra bồi thường toàn bộ thiệt hại do tội phạm gây ra, khoản tiền thu lợi này đã nằm trong khoản tiền mà các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại

nên không chấp nhận đề nghị này của Đại diện Viện kiểm sát và không truy thu của các bị cáo số tiền trên.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cấn Anh T, Nguyễn Anh T2 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội về việc lùi thời hiệu thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Cấn Anh T 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giam từ ngày 10/11/2016 đến ngày 20/01/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội về việc lùi thời hiệu thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T2 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 02/8/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Anh T2 về cho UBND thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Anh T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 585, Điều 587 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Cấn Anh T và Nguyễn Anh T2 phải liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần Thủy điện S số tiền là 14.199.300 đồng (Mười bốn triệu một trăm chín mươi chín ngàn ba trăm đồng), chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 7.099.650 đồng (Bảy triệu không trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Sau này nếu các bị cáo Cấn Anh T, Nguyễn Anh T2 có yêu cầu các đối tượng H, L và N phải thanh toán lại phần của H, L và N phải bồi thường thì sẽ được xem xét bằng vụ kiện dân sự khác;

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc các bị cáo Cán Anh T, Nguyễn Anh T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 354.983 đồng (Ba trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02-8-2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích thủ tục, phạm vi kháng cáo và chế định án treo)

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia G;
- Công an huyện Ia G ;
- Bị cáo; Người bị hại;
- UBND thị trấn X, huyện N, Hà Tĩnh;
- UBND phường, thành phố P, Gia Lai;
- UBND phường Q, thành phố V, Nghệ An;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS, THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Văn Đính